

Chi tiết mã HS 9615

Mã HS	9615
Mô tả hàng hóa	Lược, chải tóc và loại tương tự; ghim chải tóc, cặp uốn tóc, kẹp uốn tóc, lô cuộn tóc và loại tương tự, trừ các loại thuộc nhóm 85.16, và bộ phận của chúng
Đơn vị	
Thời điểm tạo	30/10/2026 21:04:02
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 - BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/9615/

15 dòng thuế thuộc 9615

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
9615.11.20	Lược, chải tóc và loại tương tự; ghim chải tóc, cặp uốn tóc, kẹp uốn tóc, lô cuộn tóc và loại tương tự, trừ các loại thuộc nhóm 85.16, và bộ phận của chúng / - Lược, chải tóc và loại tương tự: / - - Bằng cao su cứng hoặc plastic: / - - - Bằng cao su cứng	kg/chiếc	30%	20%	8 / 10 (nhiều mức)
9615.11.30	Lược, chải tóc và loại tương tự; ghim chải tóc, cặp uốn tóc, kẹp uốn tóc, lô cuộn tóc và loại tương tự, trừ các loại thuộc nhóm 85.16, và bộ phận của chúng / - Lược, chải tóc và loại tương tự: / - - Bằng cao su cứng hoặc plastic: / - - - Bằng plastic	kg/chiếc	30%	20%	8 / 10 (nhiều mức)
9615.19.00	Lược, chải tóc và loại tương tự; ghim chải tóc, cặp uốn tóc, kẹp uốn tóc, lô cuộn tóc và loại tương tự, trừ các loại thuộc nhóm 85.16, và bộ phận của chúng / - Lược, chải tóc và loại tương tự: / - - Loại khác	kg/chiếc	30%	20%	8 / 10 (nhiều mức)
9615.90.11	Lược, chải tóc và loại tương tự; ghim chải tóc, cặp uốn tóc, kẹp uốn tóc, lô cuộn tóc và loại tương tự, trừ các loại thuộc nhóm 85.16, và bộ phận của chúng / - Loại khác: / - - Ghim chải tóc trang trí: / - - - Bằng nhôm	kg/chiếc	30%	20%	8 / 10 (nhiều mức)
9615.90.12	Lược, chải tóc và loại tương tự; ghim chải tóc, cặp uốn tóc, kẹp uốn tóc, lô cuộn tóc và loại tương tự, trừ các loại thuộc nhóm 85.16, và bộ phận của chúng / - Loại khác: / - - Ghim chải tóc trang trí: / - - - Bằng sắt hoặc thép	kg/chiếc	30%	20%	8 / 10 (nhiều mức)

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
9615.90.13	Lược, chải tóc và loại tương tự; ghim chải tóc, kẹp uốn tóc, kẹp uốn tóc, lô cuộn tóc và loại tương tự, trừ các loại thuộc nhóm 85.16, và bộ phận của chúng / - Loại khác: / - - Ghim chải tóc trang trí: / - - - Bằng plastic	kg/chiếc	30%	20%	8 / 10 (nhiều mức)
9615.90.19	Lược, chải tóc và loại tương tự; ghim chải tóc, kẹp uốn tóc, kẹp uốn tóc, lô cuộn tóc và loại tương tự, trừ các loại thuộc nhóm 85.16, và bộ phận của chúng / - Loại khác: / - - Ghim chải tóc trang trí: / - - - Loại khác	kg/chiếc	30%	20%	8 / 10 (nhiều mức)
9615.90.21	Lược, chải tóc và loại tương tự; ghim chải tóc, kẹp uốn tóc, kẹp uốn tóc, lô cuộn tóc và loại tương tự, trừ các loại thuộc nhóm 85.16, và bộ phận của chúng / - Loại khác: / - - Bộ phận: / - - - Bằng plastic	kg/chiếc	30%	20%	8 / 10 (nhiều mức)
9615.90.22	Lược, chải tóc và loại tương tự; ghim chải tóc, kẹp uốn tóc, kẹp uốn tóc, lô cuộn tóc và loại tương tự, trừ các loại thuộc nhóm 85.16, và bộ phận của chúng / - Loại khác: / - - Bộ phận: / - - - Bằng sắt hoặc thép	kg/chiếc	30%	20%	8 / 10 (nhiều mức)
9615.90.23	Lược, chải tóc và loại tương tự; ghim chải tóc, kẹp uốn tóc, kẹp uốn tóc, lô cuộn tóc và loại tương tự, trừ các loại thuộc nhóm 85.16, và bộ phận của chúng / - Loại khác: / - - Bộ phận: / - - - Bằng nhôm	kg/chiếc	30%	20%	8 / 10 (nhiều mức)
9615.90.29	Lược, chải tóc và loại tương tự; ghim chải tóc, kẹp uốn tóc, kẹp uốn tóc, lô cuộn tóc và loại tương tự, trừ các loại thuộc nhóm 85.16, và bộ phận của chúng / - Loại khác: / - - Bộ phận: / - - - Loại khác	kg/chiếc	30%	20%	8 / 10 (nhiều mức)
9615.90.91	Lược, chải tóc và loại tương tự; ghim chải tóc, kẹp uốn tóc, kẹp uốn tóc, lô cuộn tóc và loại tương tự, trừ các loại thuộc nhóm 85.16, và bộ phận của chúng / - Loại khác: / - - Loại khác: / - - - Bằng nhôm	kg/chiếc	30%	20%	8 / 10 (nhiều mức)
9615.90.92	Lược, chải tóc và loại tương tự; ghim chải tóc, kẹp uốn tóc, kẹp uốn tóc, lô cuộn tóc và loại tương tự, trừ các loại thuộc nhóm 85.16, và bộ phận của chúng / - Loại khác: / - - Loại khác: / - - - Bằng sắt hoặc thép	kg/chiếc	30%	20%	8 / 10 (nhiều mức)
9615.90.93	Lược, chải tóc và loại tương tự; ghim chải tóc, kẹp uốn tóc, kẹp uốn tóc, lô cuộn tóc và loại tương tự, trừ các loại thuộc nhóm 85.16, và bộ phận của chúng / - Loại khác: / - - Loại khác: / - - - Bằng plastic	kg/chiếc	30%	20%	8 / 10 (nhiều mức)
9615.90.99	Lược, chải tóc và loại tương tự; ghim chải tóc, kẹp uốn tóc, kẹp uốn tóc, lô cuộn tóc và loại tương tự, trừ các loại thuộc nhóm 85.16, và bộ phận của chúng / - Loại khác: / - - Loại khác: / - - - Loại khác	kg/chiếc	30%	20%	8 / 10 (nhiều mức)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.